

Mẫu số B03/BCTC-QBH

(Kèm theo Thông tư số 107/2025/TT-BTC
ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài
chính)

BỘ TÀI CHÍNH
BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT
NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI,
QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ, QUỸ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP**

Năm

Đơn vị tính:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	D	1	2
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA QUỸ BẢO HIỂM				
1	Tiền thu từ đối tượng đóng bảo hiểm	610			
2	Tiền thu từ ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm	620			
2.1	Tiền thu từ ngân sách trung ương hỗ trợ đóng bảo hiểm	621			
2.2	Tiền thu từ ngân sách địa phương hỗ trợ đóng bảo hiểm	622			
3	Tiền thu khác	630			
4	Tiền chi trả chế độ bảo hiểm	640		(...)	(...)
4.1	Tiền chi chế độ bảo hiểm xã hội	641		(...)	(...)
4.2	Tiền chi chế độ bảo hiểm y tế	642		(...)	(...)
4.3	Tiền chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp	643		(...)	(...)
5	Tiền chi trả khác	650		(...)	(...)

5.1	Tiền chi trả khác của quỹ bảo hiểm xã hội	651		(...)	(...)
5.2	Tiền chi trả khác của quỹ bảo hiểm y tế	652		(...)	(...)
5.3	Tiền chi trả khác của quỹ bảo hiểm thất nghiệp	653		(...)	(...)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính của quỹ bảo hiểm</i> (Mã số 660 = Mã số 610 + Mã số 620 + Mã số 630 + Mã số 640 + Mã số 650)	660			
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ QUỸ BẢO HIỂM				
1	Tiền thu hồi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm	710			
1.1	Tiền thu hồi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội	711			
1.2	Tiền thu hồi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm y tế	712			
1.3	Tiền thu hồi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm thất nghiệp	713			
1.4	Tiền thu hồi các khoản đầu tư khác	714			
2	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm	720			
2.1	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội	721			
2.2	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm y tế	722			
2.3	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư quỹ bảo hiểm thất nghiệp	723			
2.4	Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	724			
3	Tiền chi để đầu tư quỹ bảo hiểm	730		(...)	(...)
3.1	Tiền chi để đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội	731		(...)	(...)
3.2	Tiền chi để đầu tư quỹ bảo hiểm y tế	732		(...)	(...)
3.3	Tiền chi để đầu tư quỹ bảo hiểm thất nghiệp	733		(...)	(...)
3.4	Tiền chi để đầu tư khác	734		(...)	(...)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm</i> (Mã số 740 = Mã số 710 + Mã số 720 + Mã số 730)	740			

III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (Mã số 800 = Mã số 660 + Mã số 740)	800			
V	TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	810			
VI	TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (Mã số 820 = Mã số 800 + Mã số 810)	820			

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Lập, ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn lập Báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ QUỸ BẢO HIỂM XÃ HỘI, QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ, QUỸ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

(Mẫu số B03/BCTC-QBH)

1. Mục đích

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi tắt là “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm”) phản ánh các dòng tiền vào, dòng tiền ra, các khoản tương đương tiền phát sinh trong năm, số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính, nhằm cung cấp thông tin về những biến động trong năm liên quan đến tiền và tương đương tiền của quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

2. Cơ sở lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm

2.1. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm được lập căn cứ:

- Các báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm khác (như Báo cáo tình hình tài chính quỹ bảo hiểm, Báo cáo kết quả hoạt động quỹ bảo hiểm, Thuyết minh báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm);
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm của năm trước;

- Bảng tổng hợp thông tin tài chính quỹ bảo hiểm (mẫu S01/BTH-QBH); Sổ kế toán chi tiết tài khoản 111 “Tiền mặt”; TK 112 “Tiền gửi ngân hàng, kho bạc”; TK 113 “Tiền đang chuyển”; TK 114 “Các khoản tương đương tiền”; sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết của các tài khoản liên quan khác và các tài liệu khác có liên quan trong năm báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2.2. Cơ quan bảo hiểm xã hội phải mở các sổ kế toán chi tiết các tài khoản phản ánh tiền và tương đương tiền (tiền mặt; tiền gửi ngân hàng, kho bạc; tiền đang chuyển; các khoản tương đương tiền) để theo dõi các dòng tiền thu và dòng tiền chi liên quan đến hoạt động chính, hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm để tổng hợp số liệu làm cơ sở cung cấp thông tin cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm.

3. Nguyên tắc và phương pháp lập các chỉ tiêu báo cáo

3.1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam lập các chỉ tiêu báo cáo theo mẫu quy định, chỉ tiêu nào không phát sinh thì để trống không ghi.

3.2. Các dòng tiền trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm không bao gồm các chuyển dịch nội bộ giữa các khoản tiền và tương đương tiền trong cùng cơ quan bảo hiểm xã hội và giữa các cơ quan bảo hiểm xã hội trong phạm vi lập báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm.

3.3. Cột thuyết minh dùng để đánh mã số chỉ tiêu thuyết minh có liên quan trong Thuyết minh báo cáo tài chính quỹ bảo hiểm để người đọc báo cáo tài chính có thể dẫn chiếu nhanh chóng tới nội dung thuyết minh chi tiết của các chỉ tiêu này.

3.4. Phương pháp lập chỉ tiêu báo cáo:

Số liệu ghi vào Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quỹ bảo hiểm chia làm 2 cột:

a) Cột số 1: Số liệu phát sinh trong kỳ báo cáo năm. Số liệu tại cột này căn cứ số liệu tương ứng đã tổng hợp trên Bảng tổng hợp thông tin tài chính quỹ bảo hiểm (mẫu S01/BTH-QBH kèm theo Thông tư này); trong đó phải đảm bảo phù hợp số liệu lưu chuyển tiền thuần trong năm với các số liệu tiền và tương đương tiền đầu kỳ (mã số 810, bằng (=) với chỉ tiêu “Tiền và tương đương tiền” - mã số 100, cột “số đầu năm” trên Báo cáo tình hình tài chính quỹ bảo hiểm), tiền và tương đương tiền cuối kỳ (mã số 820, bằng (=) với chỉ tiêu “Tiền và tương đương tiền” - mã số 100, cột “số cuối năm” trên Báo cáo tình hình tài chính quỹ bảo hiểm).

b) Cột số 2: Số liệu của năm trước liền kề năm báo cáo (để so sánh), số liệu tại cột này căn cứ số liệu tương ứng trên báo cáo năm trước.